

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Áp lực bán tăng mạnh

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

HĐTL F2001 tiếp tục đóng cửa với mức chênh lệch âm với chỉ số VN30 Index

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

CTG, POW

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tạm đóng các vị thế trading T+ đã mở

08/01/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	948.98	-1.03
VN30	865.18	-1.31
HĐTL VN30	863.70	-1.29
HNXIndex	100.33	-1.07
HNX30	176.85	-0.95
UPCoM	55.02	-1.33
USD/VNĐ	VND23,176	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.12	-7
Lãi suất qua đêm (%)	1.27	+11
Dầu (WTI, \$)	62.70	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,579.64	+0.33



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 948.98 (-1.03%)
KLGD (triệu CP) 179.3 (+41.4%)
GTGD (triệu US\$) 224.2 (+41.8%)

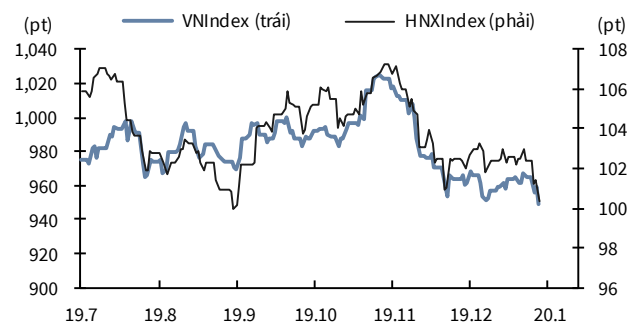
HNXIndex 100.33 (-1.07%)
KLGD (triệu CP) 29.3 (+0.2%)
GTGD (triệu US\$) 14.3 (+61.0%)

UPCoM 55.02 (-1.33%)
KLGD (triệu CP) 6.1 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$) 4.1 (+45.4%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -6.8

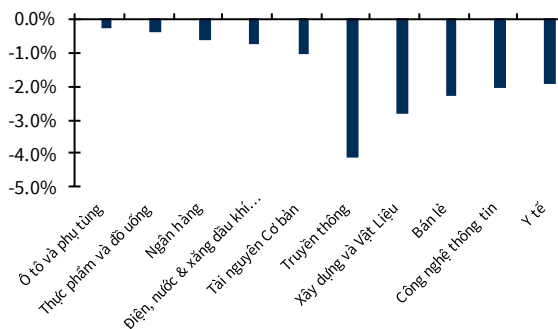
Áp lực bán tăng mạnh ngay đầu phiên do tác động từ diễn biến tiêu cực của TTCK toàn cầu trước lo ngại xung đột Mỹ - Iran leo thang khiến 2 chỉ số lao dốc với thanh khoản tăng mạnh so với phiên hôm qua. Nỗ lực hồi phục của thị trường vào đầu phiên chiều, cùng với đà hồi phục của các thị trường trong khu vực, thất bại do áp lực bán gia tăng trở lại vào cuối phiên giao dịch. Nhóm cổ phiếu dầu khí giao dịch khá tích cực trong phiên sáng, tuy nhiên với việc đà tăng của giá dầu hạ nhiệt, chỉ duy nhất PVS trong ngành duy trì được đà tăng về cuối phiên. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có diễn biến tiêu cực hơn so với thị trường chung. Xét trong rổ cổ phiếu VN30 có duy nhất VNM và BID tăng điểm. Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao đồng loạt lao dốc với ROS, KLF, HAR, AMD... giảm sàn. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhẹ, tập trung ở CTG, POW, HDB.

VN Index & HNX Index



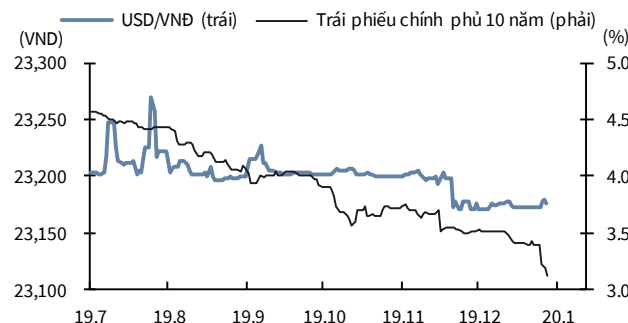
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

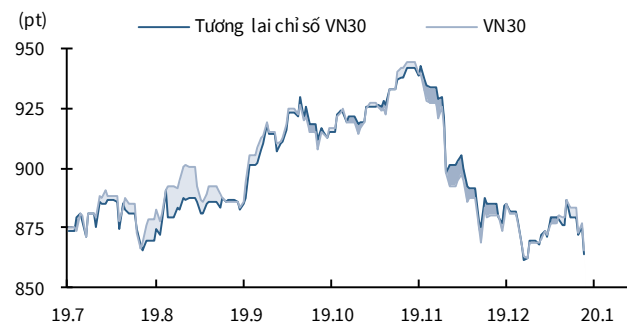
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30 **865.18 (-1.31%)**
VN30 tương lai **863.7 (-1.29%)**
Mở cửa **868.0**
Cao nhất **871.0**
Thấp nhất **863.4**

Hợp đồng **90,927 (+7.9%)**
KL HĐ mở OI **N/A**

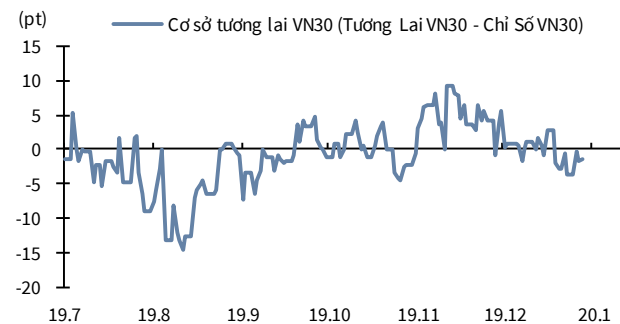
HĐTL F2001 tiếp tục đóng cửa với mức chênh lệch âm với chỉ số VN30 Index, phản ánh tâm lý tiêu cực của nhà đầu tư trước triển vọng nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Tương tự như ở thị trường cơ sở, thị trường tương lai cũng chứng kiến nỗ lực hồi phục bất thành vào đầu phiên chiều và đóng cửa ở sát mức thấp nhất trong ngày. Thanh khoản thị trường tăng lên mức cao và tập trung chủ yếu ở F2001, diễn biến thường thấy ở các phiên thị trường cơ sở giảm mạnh. Chênh lệch của F2001 và chỉ số VN30 Index giảm nhẹ so với phiên hôm qua, xuống mức -1.48 điểm. Đáng chú ý, nhà đầu tư nước ngoài giao dịch mạnh trên thị trường phái sinh trong phiên hôm nay, với khối lượng mua ròng ở mức cao, tập trung ở F2001.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



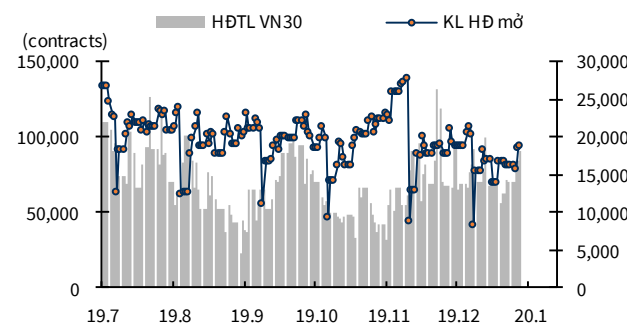
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



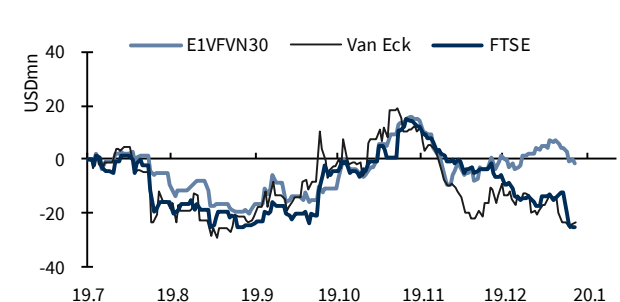
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

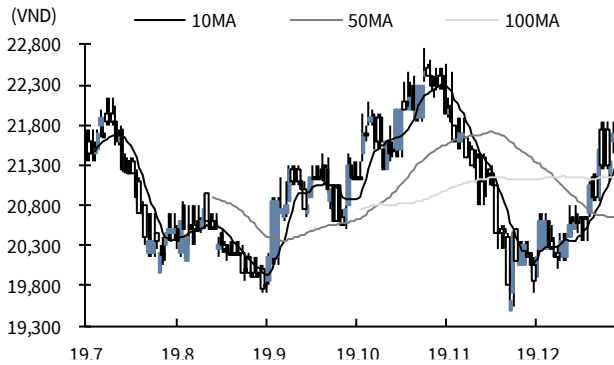
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

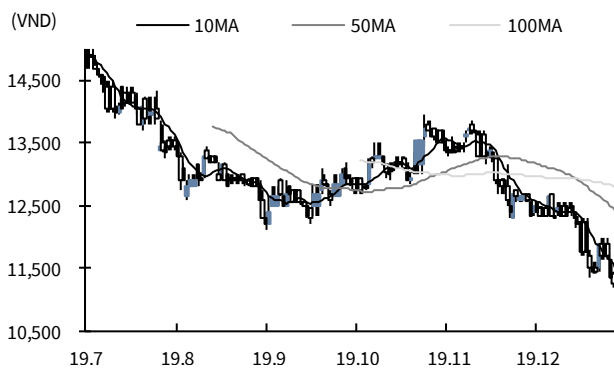
VietinBank (CTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG giảm -0.2% xuống 21,650 VNĐ/cp.
- CTG mới đây công bố lợi nhuận riêng lẻ năm 2019 đạt gần 11.5 ngàn tỷ đồng, tăng trên 26% so với kế hoạch và tăng 83% so với năm 2018. Ngân hàng cũng cho biết, đến cuối năm 2019, tín dụng tăng khoảng 13.7% so với cuối năm 2018. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp dưới 1.2% (tỷ lệ nợ xấu 2018 là 1.59%). Như vậy, mặc dù việc tăng vốn điều lệ chưa được thực hiện trong năm 2019, CTG cũng đã đạt những kết quả hết sức khả quan.

PV Power (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW giảm -4.4% xuống 10,750 VNĐ/cp.
- Năm 2019, POW ước đạt doanh thu hợp nhất là 35,884 tỷ đồng (đạt 110% kế hoạch) và lãi trước thuế hợp nhất là 3,121 tỷ đồng (đạt 125% kế hoạch năm và cao gấp 5 lần năm 2018). Sản lượng điện cả năm 2019 đạt 22.54 tỷ kWh (đạt 104% kế hoạch năm).

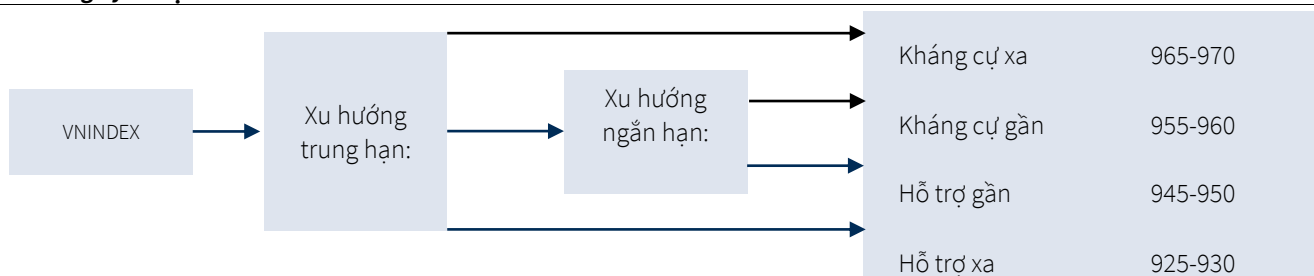
Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua diễn biến lao dốc mạnh với đà giảm điểm được thu hẹp phần nào về cuối phiên nhờ lực đỡ tại vùng hỗ trợ 945-950.
- Vùng hỗ trợ này được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát huy tác dụng trong phiên ngày mai nhưng chúng tôi cho rằng xu hướng giảm điểm sẽ sớm quay trở lại chi phối.
- Điểm chúng tôi quan ngại là dải Bollinger đang thắt hẹp, nên VNIndex đang đứng trước rủi ro trải qua thêm một vài phiên giảm sâu với vùng hỗ trợ kế tiếp tại 92x.
- NĐT được khuyến nghị tạm đóng các vị thế trading T+ đã mở và chờ chỉ số về vùng hỗ trợ sâu trước khi mua trở lại.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tương tự VNIndex, chỉ số VN30 cũng giảm mạnh trong phiên hôm nay.
- Vùng hỗ trợ quanh 965 vẫn là điểm đỡ gần của chỉ số nhưng xu hướng giảm điểm sẽ sớm quay trở lại chi phối.
- NĐT được khuyến nghị đóng các vị thế Long T+ và có thể mở một phần trạng thái Short trong kịch bản thị trường hồi phục.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

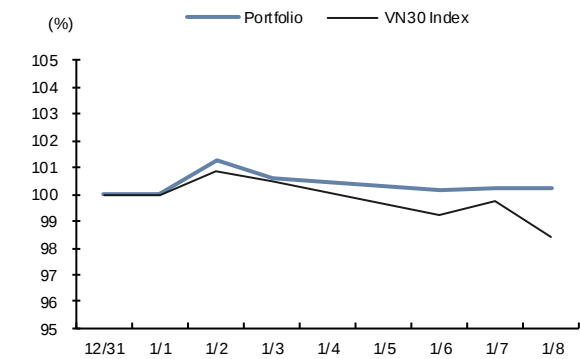
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.31%	-1.01%
Tăng lũy kế (YTD)	2.48%	-1.58%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/01/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	112,800	-2.4%	-2.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,350	-0.6%	-17%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	85,100	-2.1%	110%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	20,700	-14%	5.0%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	35,700	-2.6%	5.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	56,800	-2.2%	47.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
PVD Drilling (PVD)	06/01/2020	15,650	0.0%	-13%	- Kỳ vọng đà hồi phục của giá dầu tiếp diễn - Giá thuê giàn khoan theo ngày đang có xu hướng tăng trở lại - Khả năng tiếp tục thu hồi được 1 phần nợ xấu trong năm 2020
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	17,000	-2.3%	-10.3%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,450	-1.1%	0.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	18,900	0.5%	7.0%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	0.3%	58.6%	66.5
HPG	-1.1%	38.3%	31.1
E1VFN30	-1.0%	99.3%	27.3
MSN	-1.4%	39.1%	16.7
BID	0.9%	18.0%	14.7
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CTG	-0.2%	29.5%	-237.9
POW	-4.4%	13.7%	-20.3
HDB	0.0%	23.2%	-15.8
GAS	-0.1%	3.6%	-12.7
PDR	6.9%	6.1%	-11.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.5%	21.6%	1.9
TIG	-1.5%	16.8%	0.5
LAS	0.0%	5.4%	0.3
SLS	0.0%	2.1%	0.3
CDN	3.2%	21.3%	0.3
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
INN	0.7%	10.0%	-0.5
HUT	0.0%	23.0%	-0.3
CEO	-2.3%	15.9%	-0.3
VCS	0.8%	2.2%	-0.2
SRA	-3.6%	2.9%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	1.1%	TCH, CSM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.4%	GAS, PGD
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%	VNM, VCF
Dầu khí	-0.9%	PVD, PLX
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.2%	LGC, GEX
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-4.4%	ROS, HT1
Truyền thông	-3.9%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-3.8%	BVH, BIC
Bán lẻ	-3.4%	MWG, FRT
Y tế	-3.3%	DHG, DCL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	8.9%	TCH, DRC
Ngân hàng	3.9%	BID, CTG
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.0%	PNJ, TCM
Tài nguyên Cơ bản	2.9%	HPG, NKG
Công nghệ thông tin	2.0%	FPT, SAM
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-11.3%	ROS, CTD
Hóa chất	-9.3%	PHR, DCM
Bảo hiểm	-7.9%	BVH, BMI
Y tế	-5.7%	DHG, DCL
Truyền thông	-3.3%	YEG, PNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa	GTGD	Room còn lại	PER (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				thị trường (VNĐ tỷ)	(VNĐ triệu USD mn)		(%)	(-1đ)	19E	20E	CAGR (%)	19E	20E	19E	20E	1Đ	1W
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	114,300	385,028 (16,611)	53,490 (2.3)	21.9	78.6	44.7	44.1	5.5	7.8	4.9	4.4	-0.3	-0.6	-1.4	-0.6
	VHM	VINHOMES JSC	82,500	271,385 (11,708)	67,171 (2.9)	34.1	14.4	10.3	35.0	33.5	35.9	4.6	3.2	-1.6	-2.7	-10.3	-2.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	32,700	74,305 (3,206)	66,056 (2.9)	16.1	27.5	21.6	18.3	9.6	10.8	2.6	2.4	-3.7	-3.8	-5.5	-3.8
	NVL	NOVA LAND INVES	54,000	52,355 (2,259)	17,984 (0.8)	31.6	17.6	16.7	-4.3	14.6	12.1	2.2	-	-4.1	-9.2	-5.3	-9.2
	KDH	KHANGDIEN HOUSE	25,500	13,883 (599)	7,856 (0.3)	4.4	14.9	11.4	20.7	12.9	15.0	1.9	1.7	-3.0	-5.2	-5.7	-5.2
	DXG	DAT XANH GROUP	13,300	6,972 (298)	21,376 (0.9)	3.5	4.9	4.6	3.3	18.6	18.2	0.9	0.8	-4.3	-8.3	-4.3	-8.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	87,000	322,672 (13,921)	50,984 (2.2)	6.1	19.7	15.3	24.5	24.5	24.6	3.9	3.1	-0.9	-3.5	2.5	-3.5
	BID	BANK FOR INVESTM	47,100	189,437 (8,173)	36,867 (1.6)	12.0	30.0	21.5	15.9	12.2	14.1	2.4	2.3	0.9	2.1	18.8	2.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,750	79,628 (3,435)	25,020 (1.1)	0.0	8.5	7.2	8.2	16.7	16.4	1.3	1.1	-1.9	-3.4	-1.7	-3.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	21,650	80,612 (3,478)	58,398 (2.5)	0.5	10.8	8.7	30.5	11.9	13.4	1.1	1.0	-0.2	3.6	6.7	3.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	20,100	48,999 (2,114)	30,414 (1.3)	0.0	6.3	5.3	13.0	20.6	20.6	1.2	1.0	-1.2	0.5	2.6	0.5
	MBB	MILITARYCOMMERC	20,700	48,142 (2,077)	68,371 (3.0)	0.0	6.4	5.6	17.9	21.0	20.9	1.2	1.1	-1.4	-0.5	-5.3	-0.5
	HDB	HDBANK	26,700	26,193 (1,130)	36,253 (1.6)	6.8	8.2	7.0	12.8	18.7	19.5	1.4	1.3	0.0	-3.1	-4.0	-3.1
	STB	SACOMBANK	9,980	18,000 (777)	21,190 (0.9)	11.5	8.2	6.2	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	-1.7	-0.7	-0.2	-0.7
	TPB	TIENPHONGCOMME	20,900	17,275 (745)	2,867 (0.1)	0.0	6.9	5.4	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	-1.4	-0.7	-3.7	-0.7
	EBB	VIETNAM EXPORT-I	17,300	21,269 (918)	1,508 (0.1)	0.0	27.7	26.9	9.4	5.1	8.0	1.4	1.3	-0.9	-2.8	2.1	-2.8
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	66,000	48,993 (2,114)	15,252 (0.7)	19.5	38.3	28.8	19.2	8.3	9.6	2.8	2.5	-2.2	-3.8	0.3	-3.8
	BMI	BAOMINHINSURANC	25,400	2,320 (100)	718 (0.0)	11.5	13.6	-	-	7.9	-	-	-	-0.2	2.4	-1.4	2.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,750	9,018 (389)	21,365 (0.9)	45.0	4.4	4.0	33.9	9.6	10.5	0.8	0.7	-2.7	-1.7	-9.0	-1.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	28,600	4,700 (203)	1,351 (0.1)	63.3	7.6	7.9	-14.5	16.0	13.9	1.1	1.0	0.0	-3.1	-9.2	-3.1
	HCM	HOCHI MINH CITY	20,550	6,278 (271)	14,952 (0.6)	43.3	17.5	12.1	-16.4	9.8	11.5	1.4	1.3	-2.1	-3.7	-14.0	-3.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,100	2,941 (127)	2,537 (0.1)	8.6	9.3	8.1	-4.2	11.4	12.3	0.9	0.9	-1.4	-2.1	1.8	-2.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	118,800	206,876 (8,925)	89,007 (3.8)	41.4	21.2	20.0	6.9	39.0	38.7	7.4	6.7	0.3	2.0	2.1	2.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	223,200	143,134 (6,175)	6,339 (0.3)	36.7	28.4	23.1	25.1	33.5	36.0	8.4	7.3	-0.4	-2.1	-4.2	-2.1
	MSN	MASANGROUP CORP	56,000	65,461 (2,824)	72,439 (3.1)	9.9	14.7	13.1	-4.6	14.3	13.8	1.9	1.7	-1.4	-0.9	-10.4	-0.9
	HNG	HOANGANH GIA LA	14,050	15,575 (672)	4,318 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	1.1	-3.1	1.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	144,800	75,852 (3,272)	58,498 (2.5)	10.5	13.7	12.5	10.1	38.7	37.8	4.8	3.9	-0.8	-1.0	0.3	-1.0
	GMD	GEMADEPT CORP	21,000	6,235 (269)	5,199 (0.2)	0.0	11.4	10.6	-44.5	9.5	9.7	1.0	1.0	-3.4	-9.9	-7.9	-9.9
	CII	HOCHI MINH CITY	21,800	5,403 (233)	5,175 (0.2)	19.1	10.6	9.7	147.6	11.0	12.2	-	-	-6.4	-3.1	-5.2	-3.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	14,000	7,946 (343)	546,559 (23.6)	45.5	-	-	-	-	-	-	-	-7.0	-19.1	-44.0	-19.1
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,650	9,594 (414)	11,937 (0.5)	33.5	7.9	9.9	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.4	-1.5	1.6	-1.8	1.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	50,400	3,845 (166)	4,113 (0.2)	1.5	5.7	6.0	-30.7	8.6	7.8	0.5	0.4	-2.1	-1.8	-22.9	-1.8
	REE	REE	35,700	11,069 (478)	22,720 (1.0)	0.0	6.3	6.2	0.4	16.7	15.8	1.1	1.0	-2.6	-1.7	-0.8	-1.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường	GTGD (VNĐ triệu , USD mn)	Room còn lại (%) , (-1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				(VNĐ tỷ)		19E	20E	19E	20E	19E	20E	1Đ	1W	1M	YTD		
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	97,000	185,653 (8,010)	23,580 (10)	45.4	15.4	15.3	2.5	25.8	25.5	3.8	3.5	-0.1	3.5	-1.0	3.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	20,500	5,901 (255)	4,827 (0.2)	30.4	8.0	8.3	-2.6	19.8	18.4	1.5	1.5	-4.2	-5.3	-8.9	-5.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,150	8,063 (348)	6,574 (0.3)	32.8	8.9	8.8	-9.1	16.5	16.3	1.4	1.4	-1.8	-6.5	-11.4	-6.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	23,450	64,747 (2,793)	131,494 (5.7)	10.7	9.0	7.3	2.5	16.8	18.0	1.4	1.2	-1.1	-0.2	-1.7	-0.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	12,500	4,892 (211)	3,466 (0.1)	30.1	19.4	11.0	-16.2	3.5	6.2	0.6	0.6	-0.4	-3.5	-4.6	-3.5
	DCM	PETROCA MAU FER	6,010	3,182 (137)	1,311 (0.1)	46.6	8.0	9.7	-	6.4	5.3	0.5	0.5	-2.9	-7.5	-11.5	-7.5
	HSG	HOA SEN GROUP	7,870	3,331 (144)	29,597 (1.3)	31.3	8.8	6.7	-6.4	6.7	8.0	0.5	0.5	-0.8	0.8	-2.0	0.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,000	2,054 (089)	23,275 (1.0)	37.1	5.4	5.4	49.2	16.4	16.3	0.7	0.7	-3.2	-5.5	-15.5	-5.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	55,700	66,328 (2,862)	10,285 (0.4)	6.6	16.7	16.0	11.9	19.0	19.3	3.1	3.1	-1.4	-0.5	-1.2	-0.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	15,650	6,591 (284)	33,073 (1.4)	28.9	40.9	29.7	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	0.0	4.0	4.3	4.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,050	4,517 (195)	3,899 (0.2)	17.1	6.9	6.4	6.9	13.4	13.8	0.9	0.8	-2.1	-4.5	-5.0	-4.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	112,800	49,935 (2,154)	60,733 (2.6)	0.0	13.4	10.7	25.4	35.9	33.7	4.2	3.2	-2.4	-1.1	1.8	-1.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	85,100	19,164 (827)	43,743 (1.9)	0.0	17.2	14.3	20.7	27.8	28.2	4.1	3.4	-2.1	-1.0	3.5	-1.0
	YEG	YEAH1GROUP CORP	36,500	1,077 (046)	1,053 (0.0)	68.0	-	22.0	-40.0	-4.1	3.6	0.8	0.8	-5.2	-1.4	-8.5	-1.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,300	1,682 (073)	1,900 (0.1)	1.5	5.2	4.9	0.0	25.7	22.8	1.2	1.0	-2.7	1.2	-22.3	1.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	37,500	5,081 (219)	25,468 (1.1)	42.9	4.7	4.7	31.3	30.8	35.3	1.6	1.4	-3.8	-1.8	-30.8	-1.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	86,000	11,244 (485)	1,619 (0.1)	45.6	18.9	17.7	4.0	20.1	20.0	3.4	3.2	-3.6	-6.0	-8.1	-6.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	53,000	3,976 (172)	454 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-2.4	-1.7	-2.4
IT	FPT	FPT CORP	56,800	38,526 (1,662)	68,011 (2.9)	0.0	12.2	10.3	25.3	24.2	25.1	2.5	2.3	-2.2	-2.6	3.3	-2.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfsg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.